

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CR
THÀNH PHỐ CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HS-ST

Ngày: 23/04/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR, THÀNH PHỐ CT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Gấm**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Lê Thị Tuyết Mai**.

Ông **Lư Thành Danh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Bích Trương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR tham gia phiên tòa: Ông **Võ Thanh Thoại** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2024/HSST, ngày 05 tháng 04 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HS ngày 09/04/2024 đối với bị cáo:

Trương N T, sinh ngày 26/02/1974, tại CT;

Nơi thường trú: 55/3 khu vực Thị Trấn, phường L B, quận CR, thành phố CT. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương V M (Chết) và con bà Nguyễn T L, sinh năm 1954; Vợ: Nguyễn T N H, sinh năm 1975; Con: Có 03 người con gồm: Trương T X, Trương T V, Trương K Y; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Bà **Phan N N**, sinh năm 2002. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố 5, phường B S, thành phố H T, tỉnh K G.

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Phương Loan, khu vực Thanh Mỹ, phường L B, quận CR, thành phố CT.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông **Trương T V**, sinh năm 1999. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 67C tổ 29, khu vực 4, phường H P, quận CR, thành phố CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 13 tháng 11 năm 2023, bị cáo Trương N T điều khiển xe mô tô biển số 65B2 - 65.575 đến quán cà phê An Nhiên thuộc khu vực Thạnh Mỹ, phường L B, quận CR, thành phố CT để uống nước. Sau đó, bị cáo T đi ra phía sau quán đi vệ sinh, khi trở ra thì nhìn thấy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh dương của bị hại Phan N N được để trên bàn, gần lối ra vào. Bị cáo T quan sát, biết không có người trông giữ nên đã lén lút lấy điện thoại giấu vào túi quần. Sau khi lấy trộm điện thoại, bị cáo T điều khiển xe mô tô đến đường Ngô Văn Sở thuộc phường T A, quận N K, thành phố CT để bán điện thoại cho một người nam (không rõ họ tên, địa chỉ) với số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) và chi xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 105/TCKH-HĐĐG ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận CR, thành phố CT, kết luận: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, dung lượng 128GB, Pacific blue trị 10.600.000 đồng (Mười triệu sáu trăm nghìn đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận CR, thành phố CT đã tạm giữ và nhập kho vật chứng, chờ xử lý đối với một xe mô tô biển số 65B2 - 655.75; một nón bảo hiểm màu xám, nón son; một áo thun sọc trắng xám; một quần Jean màu xám.

Đối với người nam mua điện thoại di động từ bị cáo T, do không rõ họ địa chỉ nên không xác minh được, khi nào làm việc được sẽ làm rõ, xử lý.

Đối với xe mô tô biển số 65B2 - 655.75 thuộc sở hữu của ông Trương T V (con của bị cáo Trương N T), ông V cho bị cáo T mượn để làm phương tiện đi lại, việc bị cáo T sử dụng xe để trộm cắp tài sản thì ông V hoàn toàn không biết. Hiện nay, xe mô tô trên đã được nhập kho vật chứng, chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại Phan N N đã nhận số tiền 16.990.000 đồng (Mười sáu triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng) từ bị cáo Trương N T, bị hại Nhi không có yêu cầu nào khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trương N T.

Tại bản cáo trạng số: 40/CT-VKS-CR, ngày 04 tháng 4 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân quận CR truy tố bị cáo Trương N T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017.

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung của cáo trạng, không bổ sung gì thêm, đồng thời phân tích tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Trương N T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trương N T từ 06 (Sáu) đến 12 (Mười hai) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trương N T.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Trả 01 (Một) nón bảo hiểm màu xám, nón son; 01 (Một) áo thun sọc trắng xám và 01 (Một) quần Jean màu xám cho bị cáo Trương N T.

Trả 01 (Một) xe mô tô biển số 65B2 - 655.75 cho chủ sở hữu ông Trương T V.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận việc bị hại đã nhận tiền bồi thường từ bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đang phải chăm lo cho mẹ già và người em trai đang bị bệnh. Đối với tài sản mà cơ quan chức năng đang thu giữ thì bị cáo yêu cầu trả lại xe cho con bị cáo – Trương T V, đối với các tài sản còn lại thì bị cáo đề nghị được nhận lại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Trương T V trình bày: Việc bị cáo Trương N T đi trộm cắp tài sản thì ông không hề biết, ông đưa xe cho bị cáo T mượn là nhằm mục đích làm phương tiện đi lại, đi giao đồ và chạy xem ôm. Do đó, ông yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 65B2 - 655.75 do ông làm chủ sở hữu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và trình tự, thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra và truy tố đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị

hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không khiếu nại gì về thủ tục tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận vào khoảng 08 giờ ngày 13 tháng 11 năm 2023, bị cáo Trương N T điều khiển xe mô tô biển số 65B2 - 65.575 đến quán cà phê An Nhiên thuộc khu vực Thạnh Mỹ, phường L B, quận CR, thành phố CT để uống nước. Sau đó, bị cáo T đi ra phía sau quán để đi vệ sinh, khi trở ra thì nhìn thấy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh dương của bị hại Phan N N được để trên bàn, gần lối ra vào. Bị cáo T quan sát, biết không có người trông giữ nên đã lén lút lấy điện thoại giấu vào túi quần. Sau khi lấy trộm điện thoại, bị cáo T điều khiển xe mô tô đến đường Ngô Văn Sở thuộc phường T A, quận N K, thành phố CT để bán điện thoại cho một người nam (không rõ họ tên, địa chỉ) với số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng).

Theo Bản kết luận định giá số 105/TCKH-HĐĐG ngày 06/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận CR, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, dung lượng 128GB, Pacific blue trị 10.600.000 đồng (Mười triệu sáu trăm nghìn đồng).

Lời thừa nhận của bị cáo sau khi lén lút trộm lấy được tài sản của bị hại đem đi bán là nhằm mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản định giá và các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra lại tại phiên tòa nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt 10.600.000 đồng (Mười triệu, sáu trăm nghìn đồng) trên 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và dưới 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) nên phải chịu tình tiết định khung theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điều khoản luật đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo đã thành niên, có khả năng lao động nhưng lại lười biếng, tham lam, chỉ muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân. Bị cáo biết hành vi thực hiện của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý vi phạm, bất chấp pháp luật cho thấy ý thức chủ quan của tội phạm là cố ý thực hiện.

[3] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và trong quá trình điều tra bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Trên cơ sở xem xét toàn diện nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Nhận thấy, tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là tương đối lớn vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tạo điều kiện để cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm trở thành người có ích cho xã hội sau này. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử thống áp dụng mức hình phạt đầu khung mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị cho bị cáo, điều đó cho thấy chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5]. Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận CR tiếp tục xác minh làm rõ đối tượng nam (không rõ họ tên) mua điện thoại từ bị cáo Trương N T để xử lý theo quy định của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử thống không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với (Một) nón bảo hiểm màu xanh, nón sơn đã qua sử dụng; 01 (Một) áo thun sọc trắng xám đã qua sử dụng; 01 (Một) quần Jean màu xám đã qua sử dụng thu giữ từ bị cáo Trương N T là tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo xin được nhận lại nên Hội đồng xét xử thống nhất trả cho bị cáo và đối với 01 (Một) xe mô tô biển số 65B2 – 655.75, loại wave, hiệu Honda, màu đỏ đen, số máy: JA39E2279959, số khung: RLHJA3923MY162350, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong xe xét thấy đây là tài sản của ông V cho bị cáo mượn, việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ông V không biết do đó Hội đồng xét xử thống nhất trả lại xe cho ông Trương T V theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm về dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Trương N T** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Trương N T** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận CR tiếp tục xác minh làm rõ đối tượng nam (không rõ họ tên) mua điện thoại từ bị cáo Trương N T để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả 01 (Một) nón bảo hiểm màu xanh, nón sơn đã qua sử dụng; 01 (Một) áo thun sọc trắng xám đã qua sử dụng; 01 (Một) quần Jean màu xám đã qua sử dụng cho bị cáo Trương N T.

Trả 01 (Một) xe mô tô biển số 65B2 – 655.75, loại wave, hiệu Honda, màu đỏ đen, số máy: JA39E2279959, số khung: RLHJA3923MY162350, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong xe cho ông Trương T V.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận bồi thường từ bị cáo và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Trương N T** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo. Đối với bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. CT;
- VKSND Q. CR;
- Chi Cục THA Q. CR;
- Cơ quan điều tra - Công an Q. CR;
- Nhà tạm giữ Công an quận CR;
- Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

TRẦN THỊ HỒNG GẮM